

## VỀ TÊN GỌI “TIỂU THỪA” TRONG PHẬT GIÁO Ở NƯỚC TA

NGUYỄN QUỐC TUẤN<sup>(\*)</sup>

**T**hìen nay, trong nhiều văn phẩm, tác phẩm nghiên cứu ở nước ta về Phật giáo, có tình trạng sử dụng tên gọi các hệ phái Phật giáo khác nhau. Chuyện sẽ không có gì đáng bàn nếu cách gọi tên đó đã có được sự chính xác cần thiết và thống nhất. Ngược lại, câu chuyện đó phản ánh một thực trạng: chúng ta chưa có được một sự thấu hiểu những vấn đề đã được phát hiện và được các học giả Phật giáo ghi nhận như cách nhìn thống nhất về lịch sử Phật giáo thế giới nói chung và Phật giáo ở Việt Nam nói riêng.

Câu chuyện trình ra ở đây khá đơn giản: cung cấp một cách nhìn cập nhật với những gì các học giả Phật giáo đã nỗ lực tiến hành trong nhiều chục năm qua, ngõ hầu cung cấp chỗ dựa xác đáng cho độc giả để có thể gọi tên các hệ phái Phật giáo ngày càng chính xác hơn và thống nhất hơn. Nhưng bài viết cũng còn mục đích làm sao để thấy được nhu cầu thống nhất Phật giáo trong một mái nhà chung, không “phán thời” và “phán giáo” như Thiều Chửu đã bộc

bạch trong tác phẩm *Con đường học Phật ở thế kỷ thứ XX*<sup>(1)</sup>, thể hiện sự mong mỏi của Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni đã thuyết giảng: “Nói Pháp bình đẳng không chia cao thấp, thuốc không tốt xấu, khỏi bệnh là hay”<sup>(2)</sup>, sẽ thành hiện thực ở nước ta. Câu chuyện trong trường hợp bàn thảo ở đây là về tên gọi của các hệ phái Phật giáo, tên gọi Tiểu Thừa.

Có bài viết này cũng là bởi người viết đã từng dùng tên gọi Tiểu Thừa một cách ngẫu thơ và hồn nhiên, xem như không có chuyện gì. Nhưng người viết tự thấy cần phải viết ra những điều mà mình thu nhận được

\*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xin xem: Thiều Chửu. *Con đường học Phật ở thế kỷ thứ XX*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội 2002, tr. 61 - 65.

2. Dẫn lại trong *Con đường học Phật ở thế kỷ thứ XX*. Sđd, tr. 63. Trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, ở phẩm *Hóa Thành Dụ*, Phật thuyết kệ: “Chỉ có một Phật thừa” (Xem *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, bản dịch của Hòa thượng Trí Tịnh, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1995, trang 255). Còn trong kinh *Tiểu Bộ* và *Tăng Chi Bộ* theo kinh tạng Pāli, Ngài cũng dạy rằng: “Nhu tất cả các đại dương đều có cùng một vị mặn, các giáo pháp của Ta cũng chỉ có một vị duy nhất, đó là vị giải thoát” (Dẫn theo: Binh Anson, *Mahāyāna và Theravāda: Cùng một cỗ xe*, website *Buddha Sasana*).

trên con đường nghiên cứu và học hỏi ở Phật giáo. Chuyện tên gọi được nêu ra đây không phải là sự duy danh định nghĩa thuần túy nữa, nó cần được soi sáng trên căn bản những gì được xác quyết sau bao nỗ lực của nhiều thế hệ học giả nghiên cứu Phật giáo trên thế giới đã và đang còn tiến hành.

Thông thường, người ta hay đem đối lập tên gọi Tiểu Thừa với tên gọi Đại Thừa ở ngay chính nội dung mà mỗi bên hàm chứa, thay vì chỉ là một tên gọi theo thói quen. Mà đã động đến nội dung thì không còn là chuyện nói chơi, cần một sự nghiêm khắc cần thiết để sao cho tên gọi tương xứng với nội dung đó. Cố nhiên, sẽ có người đặt câu hỏi vì sao nay lại động đến chuyện đã được giải quyết rồi? Lí lẽ trả lời thật đơn giản, bởi vì có nhiều người vẫn không do dự dùng nó mà không cần biết nội dung của thuật ngữ này là một sự sai lạc đã thành thói quen trong bao nhiêu thế kỉ qua. Vì vậy, nhất thiết ta nên làm rõ để cùng nhau khắc phục sự sai lạc.

Hai tên gọi “Đại Thừa” (Mahayāna) và “Tiểu Thừa” (Hinayāna), theo khảo cứu của nhiều cao tăng và học giả phương Tây, đặc biệt là Hòa thượng, Tiến sĩ Triết học Walpola Rahula<sup>3)</sup>, thì đã có sự “nhầm lẫn” một cách cố ý khi đặt tên gọi Tiểu Thừa với ý chê trách những người tu theo phái này chỉ giải thoát cá nhân, chứng quả vị A La Hán, không giải thoát toàn thể, chứng quả vị Phật.

Chuyện này không còn mới đối với giới nghiên cứu Phật giáo Âu - Mỹ, và cũng không còn mới đối với người tu sĩ Phật giáo Việt Nam. Song, đã thành thói quen, các nhà nghiên cứu về Phật giáo ở nước ta vẫn gọi tên theo sự cố tình đó đối với phần Phật giáo thuộc người Khmer, Lào, Campuchia, Thái Lan, Sri Lanka, Myanma là Tiểu Thừa.

Có thật sự tồn tại những tên gọi như vậy trong lời thuyết giảng của Phật Tổ không? Cho đến nay, có thể khẳng định, không hề có từ những bản kinh Nikāya. Đó là kết quả của một quá trình diễn biến kết tập kinh điển và phân chia bộ phái sau khi Đức Phật Tổ nhập Niết Bàn hàng trăm năm. Hay nói cách khác, sự phát triển của Phật giáo đã hình thành nên Đại Thừa, và chính vì thế mà một ai đó đã nói Phật giáo có đặc điểm trong trường sử là tồn tại trong sự sai biệt. Về điểm này, có không biết bao công trình nghiên

3. Xin xem: Walpola Rahula. *Lời Phật dạy*. Bản dịch, Nxb. Mũi Cà Mau, 1994. Nguyên văn đầu đề tiếng Pháp của cuốn sách này là *L'ENSEIGNEMENT DU BOUDDHA D'APRÈS LES TEXTES LES PLUS ANCIENS*, do Nhà xuất bản Eddu Seuil, Paris xuất bản năm 1961. Cuốn sách này được học giả Paul Demiéville, viện sĩ Viện Hàn lâm, giáo sư Học viện Cao đẳng Pháp, chủ nhiệm Khoa Nghiên cứu Phật giáo của Học viện viết lời tựa. Trong đó, ông đánh giá rất cao về tính chất hiện đại của tác giả vì cho rằng, tác giả là một người am tường và sáng suốt nhất về Phật giáo. Chính Hòa thượng W. Rahula đã nói đến việc giới thông thạo không dùng tên gọi Tiểu Thừa nữa trong phần nhập đề. Rồi sau đó, tôi được biết, Hòa thượng còn viết hẳn một bài có nhan đề *Đạo Phật Nguyên Thủy và Đạo Phật Đại Thừa* được Samôn Thích Thiện Minh dịch và đăng trong website *Thích Quảng Đức*.

cứu đã chứng minh. Ta có thể vạch lại một cách khái lược như sau:

- Sau khi Đức Phật Tổ viên tịch ba tháng, có một cuộc đại hội đầu tiên của các vị đại đệ tử của Ngài để đọc lại những gì Đức Phật thuyết giảng trong suốt 45 năm thuyết pháp. Có hai tạng kinh được hình thành vào lúc này là Kinh tạng hay Pháp (Sūtra Pitaka, Dhamma) và Luật tạng (Vinaya Pitaka). Dù có đôi tranh luận là giới luật nào quan trọng, giới luật nào không quan trọng, nhưng kết thúc thì mọi giới luật Đức Phật thuyết đều được giữ nguyên.

- Một trăm năm sau ngày Đức Phật viên tịch, một đại hội của các tỳ kheo lại được diễn ra để thảo luận về giới luật vì có những thay đổi về môi trường truyền giáo lúc này đã mở rộng ra và phụ thuộc vào tập quán nơi các tỳ kheo trú ngụ và tu tập. Số các vị tỳ kheo có uy tín và cao tuổi (Hán ngữ dịch Sthaviravāda là Trưởng Lão Thuyết Bộ) cương quyết giữ lại mọi giới luật như cũ, trong khi các vị tỳ kheo ít tuổi hơn lại yêu cầu thay đổi một số giới luật. Thuyết phục nhau không thành, các vị tỳ kheo trẻ tuổi bỏ đại hội và thành lập một nhóm riêng là Mahāsaṅghika (Hán ngữ dịch là Đại Chúng Bộ). Tuy thế, Đại Chúng Bộ không phải là Đại Thừa. Đại hội này không tranh luận về Pháp.

- Vào thế kỉ III trước Công nguyên, thời trị vì của vua Asoka (A Dục Vương), đại hội lần thứ ba diễn

ra dưới sự bảo hộ của vị vua này. Lúc này, sự tranh luận không chỉ còn đóng khung trong giới luật mà đã lan sang cả ở giáo pháp. Kết quả của đại hội đã làm một tạng kinh khác ra đời là Luận tạng (còn gọi là Tối Thắng Pháp, Vi Diệu Pháp, A Tỳ Đàm; tiếng Pāli là Abhidhamma). Lúc này, phái Sthaviravāda, tên gọi theo tiếng Sanskrit, đã được thay bằng tiếng Pāli là Theravāda. Như vậy, cho đến lúc này chưa có tên gọi Đại Thừa. Và chỉ đại hội kết tập lần thứ ba này mới hình thành đầy đủ ba tạng kinh điển (Tipitaka) là Kinh, Luật và Luận.

Sau đại hội kết tập lần thứ ba, một phái đoàn truyền giáo do hoàng tử Mahinda, con vua Asoka đã đem tam tạng kinh điển đã được đại hội trùng tuyên đến đảo quốc Sri Lanka và từ đó lan tỏa đi các nước vùng Đông Nam Á. Cũng lần đầu tiên, tam tạng kinh không phải là khẩu truyền nữa, mà đã được ghi chép trên loại lá bối đa bằng chữ Pāli là ngôn ngữ được các học giả thống nhất cho là Phật dùng để thuyết giảng và bắt đầu có được những bản kinh tạng thành văn để truyền lại về sau.

Như vậy, không có sự phân biệt Đại Thừa và Tiểu Thừa trong thời điểm đó. Sự xuất hiện của tên gọi Đại Thừa và Tiểu Thừa chỉ thấy ở khoảng thế kỉ I trước Công nguyên đến thế kỉ I sau Công nguyên. Hai tên gọi này được thấy trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*

(Saddharmapundarika Sūtra)<sup>(4)</sup>. Và nên lưu ý đây là những thuật ngữ Ấn Độ, không phải là của Trung Quốc.

Đến thế kỉ II, với đại luận sư Nāgārjuna (Long Thọ), là tác giả của rất nhiều bộ luận trứ danh và được dịch ra tiếng Hán như: *Trung Quán Luận, Bồ Đề Tâm Ly Tương Luận, Thập Nhị Môn Luận, Hồi Tránh Luận, Đại Trí Độ Luận, Phương Tiện Tâm Luận, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Thập Bát Không Luận, Đại Thừa Pháp Hữu Luận, Bồ Đề Tư Lương Luận*, thì Đại Thừa mới được định nghĩa khá rõ ràng. Đó là tính “Không” (Sūnyatā) nổi tiếng chứng minh vạn pháp đều gốc từ Không. Tiếp đến, khoảng thế kỉ III-IV, hai anh em đại luận sư Asanga (Vô Trước) và Vasubandhu (Thế Thân) lại đẩy thêm một bước nữa khi sáng tác một số kinh điển Đại Thừa. Đến đây, có thể coi như Đại Thừa đã được khẳng định<sup>(5)</sup>.

Tóm tắt lại, có thể nói rằng, không có thuật ngữ Tiểu Thừa trong các tạng kinh Pāli. Vậy không gọi là Tiểu Thừa thì là gì? Ngày nay, hầu hết các nhà nghiên cứu đông - tây gọi tên Theravāda và có thể dịch là Nguyên Thủy. Như vậy, ta sẽ có hai thuật ngữ là Đại Thừa và Nguyên Thủy trở thành tên gọi chính thức của hai bộ phận Phật giáo thế giới, ngoài bộ phận thứ ba là Phật giáo Tây Tạng hay (Lạtma giáo). Chính vì lẽ đó mà năm 1950, Đại hội Liên hữu Phật giáo Thế giới lần 1 khai mạc tại

Colombo (Sri Lanka) đã nhất trí quyết định xóa bỏ tên gọi Tiểu Thừa. Hãy lưu ý Thượng tọa Tố Liên của Việt Nam đã tham gia vào đại hội này. Như vậy, cũng có thể xem đây là mốc đánh dấu sự đồng thuận của Phật giáo Việt Nam đối với việc định danh các trường phái Phật giáo thế giới.

Bây giờ, hãy thử xem có gì khác nhau giữa hai bộ phận này không? Tốt nhất là lấy lại đoạn viết của chính Hòa thượng, Tiến sĩ W. Rahula:

“Tôi nghiên cứu đạo Phật Đại Thừa nhiều năm và càng nghiên cứu tôi càng thấy hầu như không có bất cứ điều gì khác nhau giữa đạo Phật Nguyên Thủy và đạo Phật Đại Thừa về mặt giáo lí căn bản:

Cả hai đều chấp nhận Đức Phật Thích Ca là bậc đạo sư.

Tứ Thánh Đế cả hai trường phái thì giống nhau.

4. Xin xem: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*. Bản dịch của Hòa thượng Trí Tịnh, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, ở các phẩm: *Thí Dụ, Tín Giải, Hóa Thành Dụ*... Rất đáng lưu ý là các bản kinh Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda) không có kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*.

5. Để biết rõ hơn tính Không của Nāgārjuna, xin đọc thêm ít nhất là cuốn *Các tông phái của đạo Phật* do Junjiro Takakusu soạn, bản dịch của Tuệ Sĩ, Tu thư Đại học Vạn Hạnh ấn tống năm 1973. Với tác phẩm này, J. Takakusu diễn giải phức tạp hơn rất nhiều tính chất “Đại Thừa” và “Tiểu Thừa” của từng tông phái Phật giáo ở Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản. Có thể nói, do việc xác định niên đại còn có những khó khăn, nên việc trình bày về “Đại Thừa” và “Tiểu Thừa” ở các tác phẩm Phật giáo rất khác nhau, ta dễ bị lạc vào rừng rậm không lối thoát. Nhưng có thể thống nhất một cách tương đối các diễn giải về thời gian hình thành các tông phái và tính chất riêng biệt của chúng.

Bát chánh đạo cả hai trường phái thì cũng tương tự.

Thập Nhị Nhân Duyên cả hai đều tương đương.

Cả hai đều không chấp nhận tư tưởng về Thượng Đế tạo ra thế gian này.

Cả hai đều chấp nhận Tam tướng và Tam vô lậu học, không có bất kì sự khác biệt nào.

Đây là những giáo lí quan trọng nhất của Đức Phật và cả hai trường phái đều công nhận.

Cũng có một số ít điểm khác nhau. Hiển nhiên là quan điểm về Bồ tát. Nhiều người nói rằng Đại Thừa là quả vị Bồ tát dẫn đến quả vị Phật trong khi đó Nguyên Thủy thì quả vị A La Hán. Tôi phải nói rằng Đức Phật toàn giác, độc giác và thính văn giác cũng là những vị A La Hán. Kinh điển Đại Thừa không bao giờ sử dụng La Hán thừa. Họ sử dụng ba thuật ngữ: Bồ tát thừa, Duyên giác thừa và Thính văn thừa. Theo truyền thống Nguyên Thủy ba vị này được gọi là Giác. Có người cho rằng Phật giáo Nguyên Thủy thì ích kỉ bởi vì dạy con người phải tìm kiếm sự cứu rỗi cá nhân. Nhưng làm sao một người ích kỉ có thể giác ngộ được? Những trường phái vừa chấp nhận ba thừa vừa chấp nhận giác nhưng cho tư tưởng Bồ tát thì cao nhất. Đại Thừa đã hư cấu nhiều vị Bồ tát huyền bí trong khi đó Phật giáo

Nguyên Thủy cho Bồ tát là một con người ở giữa chúng ta, Ngài hiến tặng trọn vẹn đời mình cho sự giác ngộ, chắc chắn sẽ trở thành vị Phật vì lợi ích của thế gian, vì hạnh phúc cho đời<sup>(6)</sup>.

Tôi buộc phải dẫn lại đoạn khá dài trên đây để chúng ta hãy từ bỏ quan niệm Nguyên Thủy (vẫn quen gọi là Tiểu Thừa) thì giải thoát một mình, cá nhân, còn Đại Thừa thì giải thoát toàn thể chúng sinh, kể cả giới hữu tình. Nó cũng liên quan đến chuyện rằng, trong thực tế, Phật giáo ở người Khmer, Thái Lan, Lào, Myanmar, Sri Lanka không phải là sự giải thoát cá nhân, dù được gọi là Theravāda. Trái lại đằng khác, Theravāda ở những quốc gia mà nó tồn tại đã trở thành máu thịt văn hóa, là lối sống của quốc gia ấy, dân tộc ấy. Hiển nhiên, nó “không ích kỉ” về mặt đưa con người đến giác ngộ và hình thành nếp sống Phật giáo ở các tộc người và quốc gia đó.

Cũng cần phải nhắc lại rằng, chính tại Việt Nam, ở người Việt cũng có Phật giáo Theravāda mà không riêng gì người Khmer. Điều thú vị là chính các vị Hòa thượng Campuchia đã là những người truyền thụ giáo lí bát chánh đạo và thọ giới cho các vị trí thức người Việt làm việc và sinh sống tại

6. Đạo Phật Nguyên Thủy và Đạo Phật Đại Thừa. Sđd.

Phnôm Pênh<sup>(7)</sup>. Nếu có dịp, xin quay trở lại với phái Nguyên Thủy người Việt.

Chính vì thế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện tại, thay vì gọi theo tên cũ là Đại Thừa và Tiểu Thừa, đã có một cách định danh là Bắc tông (tức là Phật giáo phát triển) và Nam tông (Theravāda) và như vậy có thể xem là một sự thỏa đáng đối với cả hai trường phái trong lòng Phật giáo Việt Nam<sup>(8)</sup>.

Nhưng nếu cần đề cập kỹ hơn thì chúng ta cũng không ngần ngại. Phải nói rằng, rất nhiều vấn đề xung quanh trường phái mà chúng ta gọi là Đại Thừa cũng có những vấn đề riêng cần làm rõ hơn. Chẳng hạn, qua tác phẩm *Đại Thừa và sự liên hệ với Tiểu Thừa (Aspects of Mahāyana Buddhism and its relation to Hīnayāna Buddhism)* của Nalinaksha Dutt do Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, ấn hành năm 1971 và tái bản năm 1999. Cuốn sách này đã làm rõ thêm những khía cạnh khác nhau về các bộ phái Phật giáo sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Nhưng tôi lại muốn dẫn ở đây lời tựa của Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu thật dài để chúng ta thấy thêm sự vô lí và không đúng khi phân biệt Đại Thừa và Tiểu Thừa là hai loại Phật giáo khác nhau. Đoạn này như sau:

“Giá trị của tập sách này là diễn đạt được tiến trình lịch sử tư tưởng Phật giáo qua ba giai đoạn: Phật giáo Nguyên Thủy, Phật giáo cục bộ phái, việc Phật giáo Đại Thừa. Tiến

trình này của tư tưởng Phật giáo là một tiến trình liên tục, không có gián đoạn, tuần tự nhi tiến chứ không có đột ngột. Tác giả đã thật sự thành công khi trình bày tiến trình các quan điểm về các vấn đề Ba Thân, Niết Bàn, Tứ Đế, các vị trí tu chứng, ngang qua các phái Thượng Toạ bộ, Nhất Thế hữu bộ, Đại Thừa giáo khi mới hưng khởi, các nhà Duy Thức và các vị Hậu Đại Thừa. Đoạn truy nguyên các tác phẩm Bát Nhã Balamật, truy nguyên nguồn gốc và địa điểm phát khởi Đại Thừa giáo đáng được chúng ta đặc biệt chú ý, vì

7. Xin xem: Thích Đông Bôn (chủ biên). *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*. Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1996. Xem mục: *Hòa thượng Hộ Tông (1893 - 1981)*, trang 627-634. Nói đến sự ảnh hưởng của Phật giáo Campuchia đối với người Việt, ta còn cần kể đến ngài Minh Đăng Quang (1923 - 1954), vị Tổ sáng lập ra phái Khất sĩ người Việt năm 1944. Ngài đã sang Campuchia và học đạo, sau đó tìm cách phối hợp cả hai trường phái Phật giáo là Đại Thừa và Nguyên Thủy để tạo nên phái Khất sĩ khá độc đáo trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trong *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX* cũng chép về ngài (trang 261-269). Phái của ngài chủ trương: “...người Khất sĩ phải thực hiện đúng mục đích của hệ phái là: trang bị tinh thần không cầu tích trữ vật dụng, tiền bạc... không gia đình; mỗi sáng ôm bình bát đi khất thực, không ở nơi nào nhất định...” (tr. 267). Tổ Minh Đăng Quang viết cuốn *Chơn Lý*, một cuốn sách thấm đượm cách giải thích không huyền bí về Phật giáo. Xin xem: Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Tôn sư Minh Đăng Quang, *Chơn Lý*, 1965.

8. Thực ra, cũng còn những băn khoăn nhất định về cách định danh này. Bởi như tôi đã có viết tham luận trong cuộc hội thảo Việt - Pháp về so sánh tôn giáo năm 1999 tại Paris là hai tên gọi đó sẽ có thể nhầm với truyền thống của Thiên tông Trung Quốc khi phân chia thành Bắc tông của Thần Tú và Nam tông của Huệ Năng sau ngũ tổ Hoàng Nhãn. Đấy sẽ là một sự nhiều tên gọi thật sự đối với người ngoài cuộc trong đó có không ít người nghiên cứu. Cũng còn một cách định danh khác là Bắc truyền và Nam truyền. Nhưng giỏi lắm thì hai tên gọi này chỉ đặt nặng vào con đường truyền bá, không phản ánh thực sự nội dung được truyền bá.

tài liệu thật chính xác và khá phong phú. Tác giả đã nối liền lại hai giòng tư tưởng Tiểu Thừa và Đại Thừa, và giúp chúng ta tìm được sự liên tục giữa hai giòng tư tưởng nhiều khi mâu thuẫn và chống đối.

Đọc kỹ tiến trình tư tưởng Phật giáo, chúng ta sẽ thấy các luận sư không vị nào là không muốn diễn đạt cho thật sự trung thành giáo nghĩa nguyên thủy của Đức Từ Phụ. Dầu cho sự diễn đạt dặt dưới nhiều quan điểm và khía cạnh sai khác, lồng vào những bối cảnh có thể nói là mâu thuẫn, nhưng chúng ta vẫn nhận thấy những sóng ngầm đồng nhất, thật sự nguyên thủy trong sự cố gắng trung thành của các nhà luận sư. Cho nên quan điểm của một số học giả Pāli cho rằng những gì ngoài ba Tạng Pāli là nguy tạo, vừa nguy hiểm, vừa nông nổi nếu không phải là lạc hậu. Nguy hiểm vì tự mình phủ nhận những cố gắng trung thành với đạo Phật Nguyên Thủy của các nhà luận sư, như chúng ta đã thấy quá rõ ràng trong tập sách này. Nguy hiểm hơn nữa là chúng ta phủ nhận luôn những tinh hoa đạo Phật Nguyên Thủy do chính các nhà luận sư khai thác và diễn đạt. Nông nổi và lạc hậu, vì ngày nay các nhà học giả Phật giáo phần lớn đều chấp nhận một số tư tưởng Đại Thừa là những tư tưởng của đạo Phật Nguyên Thủy và xác nhận chính trong tam tạng Pāli, được kết tập trong một thời gian một vài thế kỉ, lẽ dĩ nhiên phải có những đoạn phi nguyên thủy xen vào. Nếu có nhà học

giả nào chịu khó so sánh bốn tập A Hàm (Trung Hoa) với các tập Pāli Nikāya tương đương, các vị ấy sẽ thấy có nhiều đoạn văn A Hàm Trung Hoa lại nguyên thủy hơn các đoạn văn Pāli.

Thái độ của một số phật tử Đại Thừa ngược lại xem những gì Tiểu Thừa là thiếu cận, nhỏ hẹp, không đáng học hỏi cũng là một thái độ nguy hiểm, nông nổi, nếu không phải là ngây thơ, phản trí thức. Nguy hiểm vì tự nhiên phủ nhận ba tạng Pāli, bốn bộ A Hàm và các luật tạng, những tinh hoa tốt đẹp nhất và nguyên thủy nhất của lời Phật dạy. Và làm vậy chúng ta mắc mưu các nhà Balamôn giáo đã khôn khéo loại bỏ ra ngoài Phật giáo những tinh hoa của lời Phật dạy, bằng cách gán cho danh từ "Tiểu Thừa". Nông nổi và ngây thơ, vì thật sự danh từ Tiểu Thừa và Đại Thừa không được tìm trong ba tạng Pāli và bốn bộ A Hàm và chỉ là những danh từ được tạo ra về sau. Hơn nữa, tìm hiểu quá trình lịch sử tư tưởng Phật giáo, chúng ta chỉ có thể hiểu được tư tưởng Đại Thừa sau khi chúng ta tìm hiểu được tư tưởng Nguyên Thủy. Loại bỏ tư tưởng Nguyên Thủy để tìm hiểu tư tưởng Đại Thừa cũng như thả môi bắt bóng, và bắt bóng ở đây là bắt bóng tà ma ngoại đạo, mới thật sự nguy hiểm hơn. Các nhà gọi là Đại Thừa cần phải xác nhận một sự thật lịch sử, là các nước Tiểu Thừa chống giữ sự xâm nhập của ngoại đạo tà giáo kiên trì và hữu hiệu hơn các

nước Đại Thừa. Lí do chính là tư tưởng Đại Thừa và tà giáo ngoại đạo nhiều khi cách xa chỉ có gang tấc, và nhiều nhà tự cho là Đại Thừa lại sẵn sàng bước qua biên giới ấy<sup>(9)</sup>.

Đoạn trích trên vẫn còn dùng từ Đại Thừa, Tiểu Thừa, nhưng có lẽ người dịch dùng để chiêu chuộng thói quen từ ngữ hơn là thái độ thực sự của mình. Ta hãy nhớ Hòa thượng là người uyên thâm ngôn ngữ, nên sự việc dùng hai từ đó của ngài không có nghĩa là ngài đồng ý với cách gọi trên cơ sở chia tách Đại Thừa và Tiểu Thừa. Bây giờ, nhiều người có cách dùng hay mà tôi thấy thỏa đáng: gọi Đại Thừa là “Phật giáo phát triển” theo nghĩa vẫn là Phật Tổ thuyết giảng nhưng có sự bình luận và khai triển thêm tư tưởng của Ngài trong điều kiện và hoàn cảnh xã hội đã khác, và nếu có dùng Đại Thừa thì cũng theo tinh thần đó là Phật Thừa như *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh* đã xiển dương; còn gọi là Nguyên Thủy để nói đến những người đang sử dụng kinh tạng theo văn hệ Pāli, mà như đã nói ở đầu, Hòa thượng W. Rahula gọi là những văn bản cổ xưa nhất, nhưng không phải là duy nhất đúng với tinh thần Phật Tổ thuyết giảng.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, có lẽ tên gọi Tiểu Thừa được dùng theo cách của người Trung Quốc. Mà điều này thì chỉ diễn ra khá muộn so với thời điểm Phật giáo du nhập Việt Nam. Người mách chúng ta nói lên

điều đó là học giả Lê Mạnh Thát. Trong bộ sử đồ sộ *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* của ông, ngay từ tập đầu tiên, ta thấy một sự thực được làm soi tỏ khi Phật giáo buổi đầu ở người Việt đã không có sự phân chia Đại Thừa và Tiểu Thừa khi những bản kinh đầu tiên được biết là *Lục Độ Tập Kinh*, *Cửu Tập Thí Dụ* và *Tập Thí Dụ*, mà ông cho là được dịch trực tiếp từ những bản kinh bằng chữ Phạn. Ông nhấn mạnh đến lí tưởng Bồ Tát dần thân<sup>(10)</sup>, khác hẳn với chuyện phân biệt về sau là Tiểu Thừa chỉ lấy quả vị A La Hán làm mục tiêu giải thoát. Ngay trong Phật giáo thời Trần cũng vậy, không có sự phân biệt Đại Thừa, Tiểu Thừa ngay khi đã được trình bày khá nhằm lẫn rằng dường như đó là Thiên tông thuần túy. Phật giáo thời Trần là một sự thể hiện trọn vẹn và đầy đủ tất những gì sau này bị phân biệt thành Đại Thừa, Tiểu Thừa.

Như vậy, không có lí do gì để duy trì một thói quen ở một số người với tên gọi hàm chứa sự thiếu chính xác là Tiểu Thừa. Trong tinh thần như thế, chúng ta sẽ không còn thấy Phật giáo ở người Khmer thì khác Phật giáo ở người Việt, Phật giáo ở Việt Nam thì khác Phật giáo ở các nước khác có Phật giáo, nhất là khi chúng ta đã bước vào thế kỉ mới./.

9. Dẫn lại trong website *Thích Quảng Đức*.

10. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời kỳ Lý Nam Đế*. Tập 1. Nxb Thuận Hóa 1999.